

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1985;

- Bị đơn: Ông Phạm Đức S, sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Phạm Đức S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: bà Trần Thị N và ông Phạm Đức S thống nhất thoả thuận giao con chung là Phạm Thị Thảo Nh, sinh ngày 22/02/2015 cho bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đối với con chung là Phạm Đức Đ, sinh ngày 10/10/2004 hiện nay đã trên 18 tuổi và đã tự lao động để nuôi sống bản thân nên bà N, ông S không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), bà N tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006238 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước; trả lại cho bà N số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Phước Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Công